

Một số vấn đề về triển khai dạy học môn Tiếng Việt lớp 2 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Trần Thị Hiền Lương*¹, Phạm Thị Hằng²,
Hà Thị Thúy³

* Tác giả liên hệ

¹ Email: luongth@vnies.edu.vn

² Email: hangpt@vnies.edu.vn

³ Email: thuyht@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
52 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã triển khai thực hiện hơn hai năm, thông qua việc dạy học theo sách giáo khoa mới. Theo yêu cầu của chương trình, các nhà trường phải giúp học sinh phát triển phẩm chất và năng lực thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức, kĩ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; Hòa hòa đức, trí, thể, mỹ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống, vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi học sinh, các phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và phương pháp giáo dục để đạt được mục tiêu của chương trình. Nghiên cứu tình hình triển khai dạy học theo sách giáo khoa mới, trong đó có môn Tiếng Việt lớp 2 tại các nhà trường là việc làm cần thiết nhằm phân tích, xác định, lí giải những thuận lợi và khó khăn trong quá trình dạy học, từ đó đề xuất giải pháp kịp thời, giúp nâng cao hiệu quả dạy học theo Chương trình và Sách giáo khoa 2018.

TỪ KHÓA: Phẩm chất, năng lực, yêu cầu cần đạt, chuẩn đánh giá.

→ Nhận bài 27/11/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 09/12/2022 → Duyệt đăng 25/12/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12220219>

1. Đặt vấn đề

Chương trình, sách giáo khoa 2018 nhiều điểm mới so với chương trình, sách giáo khoa trước đây. Điểm mới thể hiện ở quan điểm, mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, phương pháp đánh giá kết quả giáo dục... Sự đổi mới nhiều mặt của chương trình - sách giáo khoa đặt ra các yêu cầu mới đối với nhà trường, giáo viên và học sinh. Kết quả khảo sát, điều tra thực trạng dạy học theo chương trình, sách giáo khoa mới ở một số trường tiểu học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước cho thấy bên cạnh những cố gắng của các nhà trường trong việc đổi mới quản lí giáo dục theo hướng tiếp cận giáo dục phẩm chất, năng lực người học, vẫn còn nhiều bất cập trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện nói chung và mục tiêu Chương trình Giáo dục phổ thông mới nói riêng. Cũng như các môn học và hoạt động giáo dục khác ở bậc Phổ thông, Chương trình môn Ngữ văn 2018 một mặt chú trọng việc kế thừa và phát huy những ưu điểm của các chương trình môn Ngữ văn đã có, đặc biệt là Chương trình Ngữ văn 2006, một mặt phải đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, phù hợp xu thế phát triển chương giáo dục của các nước tiên tiến trên thế giới. Vì lẽ đó, khi triển khai dạy học theo chương trình, sách giáo khoa mới, bên cạnh những điểm thuận lợi, tất yếu có những khó khăn đối với cả người dạy và các cấp quản lí. Ở cấp Tiểu học, việc triển khai dạy học

môn Tiếng Việt lớp 2 đã được triển khai bước sang năm thứ hai. Thực tế cho thấy, môn học này cũng có không ít những thuận lợi và khó khăn cần được nghiên cứu để có giải pháp nâng cao hiệu quả dạy học trong giai đoạn tiếp theo. *Bài viết này là sản phẩm của nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2022, “Nghiên cứu tình hình triển khai chương trình, sách giáo khoa theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018” (Năm 2022: cấp Tiểu học: lớp Hai và cấp Trung học cơ sở: lớp Sáu), mã số V2022-16TX.*

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những thuận lợi trong dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

a. Nhiều nội dung dạy học môn Tiếng Việt trong chương trình, sách giáo khoa mới kế thừa Chương trình, Sách giáo khoa 2006

- Chương trình 2018 và sách giáo khoa biên soạn theo Chương trình 2018 được thiết kế các yêu cầu cần đạt của năng lực ngôn ngữ, thể hiện ở bốn kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Về cơ bản, cách thiết kế này là sự kế thừa Chương trình Giáo dục phổ thông ban hành năm 2006, đồng thời thể hiện sự cập nhật xu thế phát triển chương trình trong giai đoạn hiện nay.

- Các kiến thức và kĩ năng môn học thể hiện qua các bài học trong sách giáo khoa mới được kết nối với nhau theo hệ thống chủ đề. Bài học thiết kế theo hệ thống

chủ điểm giúp cho môn học gắn kết với cuộc sống và dễ dàng thực hiện việc tích hợp liên môn. Đây cũng là điểm kế thừa cách cấu trúc sách giáo khoa môn Tiếng Việt ở cấp Tiểu học lâu nay nên không gây ngỡ ngàng trong việc thực hiện dạy học môn học này theo chương trình - sách giáo khoa mới ở nhà trường.

- Chương trình môn Tiếng Việt 2018 chú trọng dạy kỹ năng, giảm tải lượng kiến thức tiếng Việt đưa vào chương trình của từng lớp. Một số kiến thức có tính “hàn lâm” đã được giảm tải. Ví dụ như: Kiến thức về từ đồng âm, từ đơn, từ phức... không đưa vào nội dung dạy học ở cấp Tiểu học như những chương trình trước đây.

- Nội dung dạy học có tính “mở”, chú trọng tính kết nối kiến thức, kỹ năng được học trong môn học với cuộc sống, suy nghĩ, cảm xúc... của từng học sinh. Chẳng hạn, ở kỹ năng đọc, bên cạnh yêu cầu đọc hiểu về nội dung và hình thức văn bản, Chương trình 2018 còn chú trọng yêu cầu “liên hệ, so sánh, kết nối” (học sinh phải kết nối văn bản được đọc với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân người đọc, biết kết nối thông tin trong văn bản đa phương thức,...). Yêu cầu này đòi hỏi học sinh phải tổng kết, khái quát và trình bày được những điều đã học, đã thu nhận có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân.

b. Phương pháp dạy học theo chương trình, sách giáo khoa mới tiếp tục chú trọng vào hoạt động học của học sinh

- Trong nhiều thập kỉ qua, cấp Tiểu học luôn luôn chú trọng việc đổi mới dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động của học sinh. Nội dung dạy học nêu trong chương trình và thể hiện trong sách giáo khoa trước đây đã bước đầu thể hiện những định hướng về phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của người học. Trong môn Tiếng Việt, sách giáo viên cũng như các tài liệu tập huấn đã nhấn mạnh việc tổ chức dạy học theo phương pháp thực hành giao tiếp ngôn ngữ, phương pháp đóng vai, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp hội thoại,... Tất cả các phương pháp đó giúp học

sinh có nhiều cơ hội để luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Các phương pháp dạy học này hoàn toàn phù hợp với phương pháp dạy học phát triển năng lực học sinh theo định hướng của Chương trình 2018.

- Trong các đợt tập huấn về thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới, nội dung tập huấn có chú ý tới việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu (theo cá nhân, theo nhóm) cho giáo viên, trang bị cho giáo viên phương pháp hướng dẫn học sinh học “cách học”. Từ đó, giáo viên có kinh nghiệm và khả năng hướng dẫn học sinh tự học (theo cá nhân, theo nhóm, lớp học tập).

- Khi được hỏi về nội dung tập huấn đáp ứng yêu cầu triển khai triển khai chương trình và sử dụng sách giáo khoa lớp 2 về môn Tiếng Việt, kết quả khảo sát cho thấy: Đa số cán bộ quản lí và giáo viên đều đánh giá nội dung các khoá tập huấn ở hai mức độ phần lớn đáp ứng và đáp ứng tốt. Qua khảo sát, nhìn chung, các khoá tập huấn thực hiện chương trình - sách giáo khoa mới ở môn Tiếng Việt đều đáp ứng mong đợi của cán bộ quản lí và giáo viên (xem Bảng 1).

c. Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đảm bảo tính ổn định

Chương trình, Sách giáo khoa 2018 định hướng đánh giá kết quả giáo dục ở cấp Tiểu học theo cách thức kết hợp đánh giá bằng nhận xét (đánh thường xuyên) với đánh giá bằng điểm số (đánh giá định kì). Đây là cách làm được triển khai trong nhiều năm gần đây. Đó cũng chính là điểm thuận lợi đối với giáo viên tiểu học nói chung và giáo viên dạy môn Tiếng Việt nói riêng. Qua khảo sát ý kiến đánh giá của cán bộ quản lí và giáo viên về tần suất sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của học sinh cho thấy, hầu hết cán bộ quản lí và giáo viên đều đánh giá các phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động của học sinh, qua sản phẩm học tập của học sinh được thường xuyên sử dụng. Phương pháp đánh giá qua bài kiểm tra và qua hồ sơ học tập ít được sử dụng hơn. Điều này cũng phù hợp với hình thức đánh giá của môn Tiếng Việt những năm gần đây đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3:

Bảng 1: Sự đáp ứng của nội dung các khoá tập huấn

Mức độ đáp ứng	Tập huấn chương trình lớp 2		Tập huấn về sách giáo khoa lớp 2		Tập huấn về các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học lớp 2		Tập huấn về kiểm tra, đánh giá lớp 2		Tập huấn về xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực	
	Cán bộ quản lí	Giáo viên	Cán bộ quản lí	Giáo viên	Cán bộ quản lí	Giáo viên	Cán bộ quản lí	Giáo viên	Cán bộ quản lí	Giáo viên
Không đáp ứng	0.0	0.8	0.0	0.8	0.0	0.9	0.0	0.7	0.0	0.7
Phần lớn không đáp ứng	1.3	0.9	1.6	1,0	3.1	1.3	2.2	1.0	1.8	1.0
Phần lớn đáp ứng	45.1	54.6	47.3	53,9	50.9	56.1	46.5	53.2	47.7	54.2
Đáp ứng tốt	53.4	43.7	50.9	44,4	45.6	41.8	50.9	45.1	50.2	43,8

Bảng 2: Tần suất sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp, hình thức kiểm tra	Không sử dụng		Rất ít sử dụng		Ít sử dụng		Thường xuyên sử dụng	
		Cán bộ quản lí	Giáo viên	Cán bộ quản lí	Giáo viên	Cán bộ quản lí	Giáo viên	Cán bộ quản lí	Giáo viên
1	Qua bài kiểm tra (trắc nghiệm khách quan, tự luận)	0.0	2.1	0.9	0.0	17.8	21.7	81.2	76.2
2	Quan sát hoạt động của học sinh	0.0	0.8	0.2	0.0	5.9	8.3	96.6	93.3
3	Qua hồ sơ học tập	0.0	3.3	1.1	0.0	15.0	20.9	83.8	75.8
4	Qua sản phẩm học tập của học sinh		0.8		0.0		6.4		92.8

Chỉ có một bài kiểm tra định kì ở cuối mỗi học kì (xem Bảng 2).

d. Tài liệu dạy và học

Một trong những điểm mới của lần triển khai Chương trình và Sách giáo khoa 2018 là việc áp dụng thực hiện một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa. Đây cũng là một thuận lợi đối với giáo viên trong việc thực hiện chương trình mới - chương trình chú trọng phát triển năng lực người học. Các bộ sách biên soạn có thể theo những cách thức khác nhau, có những nội dung phù hợp với những đối tượng học sinh có năng lực và điều kiện học tập khác nhau, song đều đáp ứng các yêu cầu cần đạt nêu trong chương trình. Do vậy, trong quá trình dạy học, dù nhà trường lựa chọn dạy một bộ sách giáo khoa nhưng giáo viên hoàn toàn có thể tham khảo nội dung dạy học của các bộ sách khác để lựa chọn nội dung và phương pháp dạy học từng đơn vị kiến thức, kĩ năng của môn học phù hợp nhất với từng nhóm học sinh.

2.2. Những khó khăn trong dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình 2018

a. Về nội dung dạy học

- Nội dung dạy học được sắp xếp lại ở các lớp hoặc giữa các lớp cấp Tiểu học. So với Chương trình 2006, trong Chương trình 2018, một số nội dung dạy học được sắp xếp lại giữa các lớp, gây cảm giác “xáo trộn” về trật tự vốn đã trở nên quen thuộc với những giáo viên được phân công chuyên trách dạy học một khối lớp nào đó. Ví dụ:

+ Công dụng của dấu phẩy (tách bộ phận đồng chức trong câu) ở Chương trình lớp 2 (Chương trình 2018), trước đây yêu cầu này không được nêu rõ trong chương trình lớp 2 (Chương trình 2006) nhưng lại được thể hiện rõ trong sách giáo khoa lớp 3 biên soạn theo Chương trình 2006.

+ Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau ở chương trình lớp 3 (Chương trình 2018), trước đây là yêu cầu của chương trình lớp 2 (2006).

+ Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm ở chương trình lớp 3 (Chương trình 2018), trước đây là

yêu cầu của chương trình lớp 4 (Chương trình 2006).

+ Một số công dụng của dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép ở chương trình lớp 3 (Chương trình 2018), trước đây là yêu cầu của chương trình lớp 4 (Chương trình 2006)...

- Một số nội dung dạy học lần đầu xuất hiện trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. Chương trình 2018 có một số nội dung dạy học mới, chưa từng có trong chương trình - sách giáo khoa trước đây, thậm chí có những nội dung thuộc chương trình - sách giáo khoa Ngữ văn trung học cơ sở (khiến giáo viên phải mất nhiều thời gian tìm hiểu yêu cầu và phương pháp tổ chức dạy học). Điều này được thể hiện ở yêu cầu cần đạt của cả bốn kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Ví dụ, ở kĩ năng viết, theo Chương trình 2006 trước đây, ngoài việc tạo lập một số văn bản thông tin (báo cáo, danh sách, thông báo,...), chương trình chủ yếu yêu cầu học sinh viết đoạn văn, bài văn kể chuyện hoặc miêu tả. Theo Chương trình 2018, ngay từ lớp 2, học sinh đã được yêu cầu viết được các kiểu bài: Thuật việc, miêu tả, giới thiệu, nêu tình cảm, cảm xúc,... Đây chính là một trong những nội dung dạy học gây “cảm giác” chương trình “nặng” so với trước đây.

- Một số kiến thức môn học thay đổi do cập nhật các nghiên cứu mới hoặc thay đổi cách tiếp cận để làm cho giáo viên lúng túng trong cách hướng dẫn dạy học (Ví dụ: Khái niệm động từ chỉ hoạt động, động từ chỉ trạng thái,...).

- Một số nội dung dạy học có tên gọi hoặc thời lượng dạy học khác so với chương trình và sách giáo khoa môn Tiếng Việt trước đây, khiến giáo viên băn khoăn về mức độ yêu cầu hoặc kết quả học tập của học sinh cũng như thời lượng tổ chức dạy học.

- Một số nội dung dạy học nêu trong chương trình môn Tiếng Việt (cả kiến thức và kĩ năng) chưa thể hiện rõ mức độ yêu cầu cần đạt giữa các lớp cũng gây trở ngại cho việc thiết kế nội dung kiểm tra, đánh giá theo cầu chương trình môn học chứ không theo sách giáo khoa.

Khi được hỏi về nội dung chương trình môn Tiếng Việt, giáo viên cho rằng, một số nội dung và yêu cầu

cần đạt trong môn Tiếng Việt còn khá nặng. Điều này gây khó khăn cho giáo viên trong việc triển khai dạy học theo chương trình, sách giáo khoa mới.

b. Về phương pháp dạy học

Chương trình 2018 yêu cầu dạy học theo hướng phát triển năng lực. Nội dung dạy học được tiếp cận theo định hướng mới (dạy học phát triển năng lực) nhằm tạo cơ hội phát triển năng lực học sinh, tất yếu đòi hỏi giáo viên phải nắm được “tinh thần đổi mới”, cách thức tổ chức hoạt động học theo hướng phát triển năng lực học sinh. Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình mới có những yêu cầu mới. Chương trình mới yêu cầu đa dạng hoá các phương pháp, hình thức tổ chức và phương tiện dạy học. Theo định hướng này, giáo viên cần tránh áp dụng máy móc rập khuôn hay tuyệt đối hoá một phương pháp trong dạy đọc, viết hay nói và nghe mà phải vận dụng các phương pháp, cách thức tổ chức hoạt động học của học sinh phù hợp với đối tượng, bối cảnh, nội dung và mục đích,... của bài học. Ví dụ:

- Mở rộng không gian dạy và học, không chỉ giới hạn trong phạm vi lớp học mà còn có thể ở thực hiện dạy học môn Tiếng Việt ở thư viện, sân trường, nhà bảo tàng, khu triển lãm,... Đối với yêu cầu dạy viết các biểu bài thuật việc, kể chuyện, miêu tả, viết giới thiệu hay yêu cầu nói theo chủ điểm, kể lại một sự việc đã tham gia hoặc chứng kiến... giáo viên có thể tổ chức cho học sinh đi tham quan, dã ngoại, thăm làng nghề truyền thống... và yêu cầu các em ghi chép, chụp hình, quay video, viết, vẽ, thuyết trình, báo cáo về những gì được quan sát, trải nghiệm.

- Tăng cường vận dụng và đa dạng hoá phương pháp trò chơi học tập, kể chuyện, đóng vai,... trong dạy học mở rộng vốn từ, rèn kỹ năng sử dụng các mẫu câu, đọc hiểu văn bản... giúp các em phát triển năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình mới. Đây là những cách thức thích hợp giúp học sinh tiểu học học tập một cách nhẹ nhàng, hiệu quả, phát triển kỹ năng ngôn ngữ, khả năng cảm nhận tác phẩm văn học, giúp các em có thêm nhiều trải nghiệm về cuộc sống.

- Chú trọng việc hướng dẫn các em cách dùng sơ đồ tư duy để thể hiện các ý tưởng khi triển khai ý cho đoạn văn, bài văn hay khi tóm tắt nội dung văn bản, miêu tả mối quan hệ của hệ thống nhân vật trong tác phẩm, trình bày các thao tác thực hiện một công việc, cách làm một sản phẩm,... Đây là phương pháp dạy học giúp học sinh phát triển năng lực tư duy logic rất hữu hiệu. Khi học sinh tạo ra sản phẩm học tập bằng sơ đồ tư duy, các em cần được tôn trọng cá tính sáng tạo và được khích lệ những suy nghĩ độc đáo, mới lạ và tích cực.

- Phối hợp nhịp nhàng giữa hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm để giúp học sinh rèn luyện và phát triển năng lực tự học, tự hoàn thiện. Sau khi học cá nhân, học

sinh được trao đổi, thảo luận về những gì mình đã tự nghĩ, tự làm, tự cảm nhận. Giáo viên là người khích lệ, khơi gợi để học sinh thể hiện thái độ, chia sẻ những ý kiến tranh luận, phản biện có lí lẽ, đưa ra cách lựa chọn, cách ứng xử của mình khi đặt mình vào hoàn cảnh của nhân vật trong văn bản được đọc, liên hệ bối cảnh của tác phẩm văn học với những trải nghiệm của mỗi em. Qua đó, giáo viên có thể biết được cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ, nhu cầu và sự phát triển nhân cách của từng học sinh. Bằng cách đó, bài học giúp các em trưởng thành trong tình cảm và nhận thức, có bản lĩnh, nghị lực và khả năng đối mặt với những tình huống, những thách thức trong cuộc sống.

- Trong môn Tiếng Việt, với yêu cầu đọc mở rộng nêu trong chương trình, học sinh phải tự tìm đọc, biết cách thu thập, chọn lọc tài liệu trong thư viện, hiệu sách, trên Internet... để thực hiện việc đọc mở rộng, ghi phiếu đọc sách và chia sẻ với bạn về những thông tin trong sách, báo đã đọc. Học sinh có thể chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc có được từ việc đọc sách dưới hình thức nói và viết, cũng có thể dưới các hình thức khác như vẽ tranh, đóng kịch, sáng tác văn thơ... tùy theo năng khiếu, sở thích và hứng thú của từng em.

- Tạo cơ hội cho học sinh rèn luyện kỹ năng sử dụng các thiết bị học tập hiện đại, các phương tiện công nghệ thông tin để các em biết cách tìm nguồn học liệu phong phú qua mạng internet và biết cách thức trình bày sản phẩm học tập theo các phương thức đa dạng. Cách làm này giúp các em có thể tiếp nhận và tạo lập văn bản đa phương thức một cách hiệu quả theo yêu cầu của chương trình mới.

Để dạy học theo hướng phát triển năng lực người học, giáo viên cần nắm vững các yêu cầu, cách thức, phương pháp dạy học, phương pháp tổ chức hoạt động học tập giúp các em tạo ra những sản phẩm học tập tối ưu nhất của bản thân, thể hiện được hết năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học, giúp học sinh đạt được ở mức cao nhất các yêu cầu cần đạt mà Chương trình 2018 đã đề ra. Theo kết quả hỏi ý kiến của hơn 2000 giáo viên dạy lớp 2 môn Tiếng Việt thông qua hình thức online, nhận định về khó khăn như: “Giáo viên chưa nắm vững đặc trưng cơ bản về dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh”, “Yêu cầu cần đạt trong chương trình môn học chưa cụ thể”, “Sách giáo khoa chưa thực sự hỗ trợ cho việc thiết kế dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh” có tỉ lệ giáo viên đồng ý là khoảng 20%. Điều này cho thấy khó khăn trong việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh là có và do nhiều nguyên nhân. Dưới đây là bảng tổng hợp tỉ lệ ý kiến của giáo viên được hỏi ý kiến (xem Bảng 3).

Thực tế triển khai dạy học theo chương trình - sách giáo khoa mới ở lớp 2 sau hơn một năm thực hiện cho thấy, các nhà trường vẫn cần tiếp tục có biện pháp hỗ

Bảng 3: Những khó khăn khi sử dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học

STT	Khó khăn	Không đồng ý	Phần lớn không đồng ý	Phần lớn đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Cơ sở vật chất, phòng học chưa đáp ứng yêu cầu.	15.6	8.0	47.9	28.5
2	Thiết bị dạy học chưa đủ và chưa đáp ứng yêu cầu.	14.9	9.6	46.4	29.2
3	Giáo viên chưa nắm vững đặc trưng cơ bản về dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh nên chưa hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học.	26.3	14.7	38.3	20.7
4	Yêu cầu cần đạt trong chương trình môn học chưa cụ thể nên chưa đủ để hỗ trợ cho việc thiết kế dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh.	24.7	14.9	39.5	20.9
5	Sách giáo khoa chưa thực sự hỗ trợ cho việc thiết kế dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh.	26.2	16.3	37.5	20.0
6	Học sinh chưa được chuẩn bị về tâm thế, thiếu tích cực và tinh thần hợp tác...	21.7	15.7	42.1	20.4
7	Thiếu kinh phí để mua sắm thiết bị, đồ dùng học tập, in phiếu học tập... phục vụ dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh.	16.2	12.8	44.6	26.5
8	Khó đổi mới phương pháp dạy học vì khâu thi cử, kiểm tra đánh giá chưa được đổi mới đồng bộ.	23.3	15.3	41.3	20.1
9	Phụ huynh chỉ quan tâm đến kết quả thi của con mình nên chưa ủng hộ và hỗ trợ giáo viên đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh.	16.6	13.7	43.9	25.9

trợ giáo viên hiểu sâu sắc về phương pháp dạy học phát triển năng lực nói chung và những phương pháp dạy học phù hợp với môn Tiếng Việt nói riêng để có thể dạy học theo chương trình, sách giáo khoa mới hiệu quả hơn.

c. Về kiểm tra, đánh giá

Theo Chương trình môn Tiếng Việt, giáo viên đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của học sinh trong môn Tiếng Việt thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe. Việc đánh giá được thực hiện bằng hai cách: Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Dù đánh giá theo cách thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc học sinh được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, tư duy hình tượng và tư duy logic, những suy nghĩ và tình cảm của chính học sinh, không vay mượn, sao chép; khuyến khích học sinh bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc của riêng mình.

Trong bối cảnh một chương trình nhiều bộ sách giáo

khoa, việc đánh giá học sinh học tập môn Tiếng Việt cần dựa vào yêu cầu cần đạt nêu trong chương trình của mỗi lớp. Khi hỏi về yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Tiếng Việt 2018, giáo viên cho rằng: “Chương trình môn học hầu như chưa mô tả, chưa phân biệt rõ mức độ năng lực học sinh cần đạt được ở từng lớp, gây khó khăn cho giáo viên trong dạy học và đánh giá sự phát triển năng lực của học sinh”.

Theo kết quả khảo sát ý kiến cán bộ quản lí và giáo viên về tần suất sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá, hầu hết cán bộ quản lí và giáo viên đều cho rằng các phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động của học sinh, qua sản phẩm học tập của học sinh được thường xuyên sử dụng. Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, qua sản phẩm học tập, qua bài kiểm tra được sử dụng thường xuyên ở mức độ cao (xem Bảng 4).

Khi được hỏi về những khó khăn trong việc đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất, có khoảng 50% cán bộ quản lí và giáo viên cho

Bảng 4: Tần suất sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp, hình thức kiểm tra	Không sử dụng		Rất ít sử dụng		Ít sử dụng		Thường xuyên sử dụng	
		Cán bộ quản lí	Giáo viên	Cán bộ quản lí	Giáo viên	Cán bộ quản lí	Giáo viên	Cán bộ quản lí	Giáo viên
1	Qua bài kiểm tra (trắc nghiệm khách quan, tự luận)	0.0	2.1	0.9	0.0	17.8	21.7	81.2	76.2
2	Quan sát hoạt động của học sinh	0.0	0.8	0.2	0.0	5.9	8.3	96.6	93.3
3	Qua hồ sơ học tập	0.0	3.3	1.1	0.0	15.0	20.9	83.8	75.8
4	Qua sản phẩm học tập của học sinh		0.8		0.0		6.4		92.8

ràng, không gặp khó khăn trong các hoạt động kiểm tra, đánh giá. Số giáo viên gặp khó khăn trong các hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh chiếm tỉ lệ rất ít (2.5% - 8.4%). Tuy nhiên, số gặp khó khăn một phần cũng chiếm tỉ lệ gần như tương đương số không gặp khó khăn. Kết quả này cho thấy, cần phải tăng cường tập huấn cho giáo viên về các kỹ thuật thiết kế công cụ đánh giá và kỹ thuật xử lý kết quả đánh giá (xem Bảng 5).

Về việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực: Có 97.3% giáo viên đánh giá học sinh đạt được năng lực ngôn ngữ (đọc, viết, nói và nghe) của học sinh ở mỗi giai đoạn học tập; có tới 96.8% giáo viên đồng ý với nhận định “Kiểm tra, đánh giá kiến thức, thái độ và khả năng vận dụng của học sinh sau bài học”. Số liệu này cho thấy, hầu hết giáo viên khẳng định đã nhận thức đúng về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực (xem Bảng 6).

Trong một nghiên cứu về hiệu quả của chương trình (dựa trên % đánh giá về chất lượng học), ý kiến giáo viên đánh giá tổng thể về chất lượng học tập môn Tiếng

Việt của học sinh lớp 2 học theo Chương trình 2018 so với trước đây (học theo Chương trình 2006) thu được là: 74,4% giáo viên được hỏi cho rằng kết quả học tập của học sinh học theo Chương trình 2018 cao hơn trước đây. Tỉ lệ giáo viên được hỏi ý kiến cho rằng, kết quả học tập của học sinh thấp hơn trước đây chỉ chiếm 1.9%.

3. Kết luận

Sự đổi mới nhiều mặt của chương trình và sách giáo khoa sẽ tạo ra nhiều khó khăn, thách thức đối với nhà trường, giáo viên và học sinh. Thông qua việc nghiên cứu nội dung chương trình, sách giáo khoa, thực tiễn triển khai dạy học môn Tiếng Việt ở nhà trường và kết quả điều tra, khảo sát thực trạng dạy học theo chương trình, sách giáo khoa mới ở một số trường tiểu học của một số tỉnh thành trên cả nước, bên cạnh những cố gắng của các nhà trường trong việc đổi mới quản lý giáo dục theo hướng tiếp cận giáo dục phẩm chất, năng lực người học, vẫn còn có những bất cập trong việc thực hiện mục tiêu, yêu cầu giáo dục của Chương trình 2018.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần sớm triển khai và thúc đẩy việc xây dựng chuẩn đánh giá năng lực và phẩm

Bảng 5: Khó khăn khi triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất trong môn Tiếng Việt lớp 2

Khó khăn khi đánh giá học sinh theo năng lực, phẩm chất	Rất khó khăn		Khó khăn		Khó khăn một phần		Không khó khăn	
	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Cán bộ quản lý	Giáo viên
1. Thiết kế hoạt động đánh giá thường xuyên.	0.3	0.5	3.8	5.8	49.2	50.1	46.7	43.6
2. Thiết kế bài đánh giá định kì.	0.2	0.3	2.5	4.9	43.2	46.7	54.1	48.1
3. Ghi chép hồ sơ đánh giá học sinh.	0.4	0.9	5.7	6.8	42.9	45.8	51.0	46.5
4. Thu thập minh chứng quan sát được trong giờ lên lớp để đánh giá học sinh.	0.2	0.7	4.4	6.0	47.0	44.3	48.4	49.0
5. Phải xử lý, tổng hợp nhiều loại thông tin, nhiều kênh thông tin thu thập được.	0.8	1.0	7.5	8.4	53.7	52.0	38.1	38.6
6. Sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh việc dạy học.	0.2	0.4	2.1	4.8	39.2	44.2	58.6	50.6

Bảng 6: Nhận thức của giáo viên về kiểm tra, đánh giá theo năng lực

STT	Nội dung kiểm tra	Không đồng ý	Phần lớn không đồng ý	Phần lớn đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Chỉ kiểm tra về mặt kiến thức của môn học.	16.8	11.8	42.7	28.7
2	Kiểm tra được khả năng vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.	1.4	2.6	50.2	45.7
3	Kiểm tra, đánh giá được kiến thức, thái độ và khả năng vận dụng của học sinh sau bài học.	1.2	1.9	46.4	50.4
4	Cách thiết kế yêu cầu trong sách giáo khoa giúp đánh giá được mức độ đạt được kiến thức, kĩ năng của học sinh ở mỗi giai đoạn học tập.	1.3	1.7	49.0	48.1
5	Đánh giá được mức độ đạt được năng lực ngôn ngữ (đọc, viết, nói và nghe) của học sinh ở mỗi giai đoạn học tập.	0.9	1.8	45.5	51.8

chất của học sinh trong các môn học để xác định mức độ năng lực đến từng lớp, bổ sung vào chương trình các môn học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 để giáo viên thuận lợi hơn khi sử dụng Chương trình 2018 trong dạy học và kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh.

Các sở giáo dục và đào tạo cần phổ biến, nhân rộng kinh nghiệm triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trong từng cơ sở giáo dục, tổ chức, hỗ trợ, giám sát giáo viên hiệu quả hơn nữa việc nghiên cứu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nắm vững yêu cầu của chương trình đã được thể hiện thế nào trong sách giáo khoa, từ đó giáo viên chủ động hơn trong việc sử dụng sách giáo khoa để dạy học trong bối cảnh một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa như hiện nay.

Các cấp quản lý giáo dục cần tăng cường các khóa tập huấn trực tiếp, chuyên sâu về phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá sự phát triển năng lực môn học của học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông

mới, đặc biệt là nội dung thiết kế hoạt động đánh giá thường xuyên và thiết kế hoạt động đánh giá định kì.

Tác giả môn học cần rà soát sách giáo khoa, tiếp thu các góp ý về nội dung sách giáo khoa của giáo viên qua thực tiễn dạy học từng năm để có những điều chỉnh hợp lí trong lần tái bản sách, bổ sung những tài liệu hướng dẫn giáo viên xác định nội dung, mức độ yêu cầu và phương pháp dạy học phù hợp với từng nhóm đối tượng học sinh có năng lực học tập khác nhau.

Sau hai năm triển khai chương trình, sách giáo khoa mới (sau một năm triển sách sách giáo khoa lớp 2), có những khó khăn, thách thức đối với giáo viên là tất yếu, nhất là khi giáo viên tiểu học phải dạy học nhiều môn học. Nếu các cấp quản lý, giáo viên và các tác giả sách giáo khoa cùng chung tay tháo gỡ khó khăn, tìm giải pháp thích hợp với tình hình thực tiễn thì chắc chắn việc triển khai thực hiện chương trình sẽ đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về Ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (The General Education Curriculum)*, V.M.o.E. Training, Editor, Hanoi.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), *Hướng dẫn dạy học theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới - những vấn đề chung (Tài liệu bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục)*.
- [4] Các bộ sách Tiếng Việt lớp 2 biên soạn theo Chương trình môn Tiếng Việt 2018.
- [5] Erica A., N., C. Chris - A. Sunddip Panesar, (2018), *Barriers to effective curriculum implementation*, Research in Higher Education Journal, 36.
- [6] Read, Carol, (2007), *500 Activities For the Primary Classroom*, Memillan Press.

SOME ISSUES IN TEACHING VIETNAMESE FOR GRADE 2 UNDER THE 2018 GENERAL EDUCATION PROGRAM

Tran Thi Hien Luong*¹, Pham Thi Hang²,
Ha Thi Thuy³

* Corresponding author

¹ Email: luongth@vnies.edu.vn

² Email: hangpt@gvnies.edu.vn

³ Email: thuyht@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
52 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *The General Education Program 2018 has been implemented through teaching new textbooks for more than 2 years. According to the requirements of the program, teachers must help students develop their qualities and competencies through educational content with basic, practical, and modern knowledge and skills, aiming at harmonizing knowledge, ethics, physics and beauty; focusing on practice, applying knowledge and skills learned to solve problems in learning and in real life; and applying educational methods and forms to promote the initiative and potential of each student. Assessment methods must be consistent with educational goals and educational methods to achieve program goals. Researching the implementation of teaching new textbooks, including Vietnamese for grade 2 at primary schools, is necessary to analyze, identify and explain the advantages and disadvantages in the teaching process; thereby proposing effective solutions timely, helping to improve the effectiveness of teaching with the new curriculum and textbooks.*

KEYWORDS: Quality, competence, requirements to be met, evaluation standards.